BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUỐC TẾ HỒNG BÀNG

KHOA KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NGÔN NGỮ QUỐC TẾ

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

HỆ ĐẠI HỌC CHÍNH QUY

NGÀNH NHẬT BẢN HỌC

(Áp dụng từ năm học 2019 - 2020)

TP. HỒ CHÍ MINH, NĂM 2019

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐH QUỐC TẾ HỒNG BÀNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Phê duyệt theo Quyết định số: 425 /QĐ-HIU ngày 28 tháng 8 năm 2019
của Hiệu trưởng Trường Đại học Quốc tế Hồng Bàng)

Tên chương trình : **Nhật Bản học**
Trình độ đào tạo : **Đại học**
Ngành đào tạo : **Nhật Bản học**
Mã ngành : **7310613**
Loại hình đào tạo : **Chính quy**

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo này nhằm mục tiêu đào tạo nguồn nhân lực có trình độ tiếng Nhật cùng với kiến thức về văn hóa Nhật Bản, có đạo đức nghề nghiệp tốt và năng lực chuyên môn vững vàng, đáp ứng được yêu cầu của xã hội, tham gia vào thị trường lao động trong nước, khu vực và toàn cầu thuộc lĩnh vực Ngôn ngữ và Văn hóa Nhật bản.

Có khả năng tự học, tự nghiên cứu nhằm đạt được những trình độ cao hơn (thạc sĩ, tiến sĩ) để nghiên cứu, giảng dạy và làm việc tại các cơ quan, các Viện nghiên cứu liên quan đến lĩnh vực khoa học Xã hội và Nhân văn.

1.2. Chuẩn đầu ra sau khi hoàn thành chương trình đào tạo

❖ **Kiến thức**

- Sinh viên có kiến thức tổng quát về thế giới; lịch sử, văn hóa, chính trị, kinh tế,
- Có kiến thức sâu về CHÂU Á và ASEAN, nắm rõ chủ trương, đường lối, chính sách của nhà nước Việt Nam.

❖ **Năng lực tư duy**

- Sinh viên nắm vững các nguyên tắc về ngôn ngữ Nhật, nắm chắc những kiến thức về Đất nước & Văn hoá Nhật Bản.
- Sinh viên hiểu được vai trò của Nhật bản với các nước ASEAN thời kỳ hội nhập

❖ **Kỹ năng**

- Sinh viên có khả năng hệ thống hóa và đánh giá các dữ liệu thông tin đa chiều, có khả năng tự học suốt đời.

- Sinh viên có khả năng xây dựng các lập luận hợp lý và đưa ra các nhận xét mang tính khách quan đa chiều

+ Kỹ năng nghề nghiệp

- Sinh viên có khả năng giao tiếp tốt và thuyết trình một cách hiệu quả, sử dụng thuần thục CNTT cho công việc, làm việc độc lập và làm việc nhóm hiệu quả

- Sinh viên có thể sử dụng tiếng Nhật thuần thục (JLPT N2), có khả năng giảng dạy Nhật ngữ tại các Trung tâm ngoại ngữ hoặc biên phiên dịch trình độ Trung cấp.

- Sinh viên nắm chắc nghiệp vụ thư ký và quản trị văn phòng

+ Thái độ

- Sinh viên có ý thức tuân thủ pháp luật, có khả năng hội nhập

- Sinh viên biết tự chủ, độc lập, biết tôn trọng sự đa dạng, tự nguyện tham gia các hoạt động cộng đồng.

❖ **Vị trí sau khi tốt nghiệp**

Sau khi ra trường người học có thể làm công việc Biên dịch, Phiên dịch, hoặc công tác quản lý tại:

- Các doanh nghiệp của Nhật Bản, các công ty liên doanh với nước ngoài Sở ngoại vụ các tỉnh, các cơ quan đối ngoại, Viện Quan hệ Quốc tế…

- Giảng dạy tiếng Nhật tại các trường Đại học, Trung học phổ thông, các Trung tâm ngôn ngữ quốc tế, trung tâm ngoại ngữ…

- 100% sinh viên sau khi tốt nghiệp được giới thiệu việc làm với các Công ty, doanh nghiệp Nhật Bản, các cơ sở nghiên cứu, giảng dạy tiếng Nhật trong và ngoài nước.

❖ **Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp**

- Có thể tiếp tục nâng cao trình độ chuyên môn và nhận học bổng theo học các bậc đào tạo thạc sĩ, tiến sĩ tại Nhật Bản theo các chuyên ngành khác nhau mà bản thân có ý định nghiên cứu.
- Tự học tập suốt đời, tự nghiên cứu các vấn đề một cách khoa học để nắm vững kiến thức và nâng cao trình độ chuyên môn.

2. **Thời gian đào tạo: 4 năm**
3. **Khối lượng kiến thức toàn khoá: 140 tín chỉ** (*chưa tính TC GDTC & GDQP AN)*
4. **Đối tượng tuyển sinh:** Học sinh tốt nghiệp THPT hoặc tương đương
5. **Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp: Theo Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ** *(Ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT, ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo; văn bản số 17/VBHN-BGDĐT ngày 15/05/2014 về việc xác thực hợp nhất Quyết*

định số 43/2007/QĐ-BGDĐT và thông tư số 57/2012/TT-BGĐT); Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo Quyết định số 435/2015/QĐ-DHB ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Hiệu trưởng trường Đại học Quốc tế Hồng Bàng.

6. **Thang điểm: Theo Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ** *(Ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT, ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo; văn bản số 17/VBHN-BGDĐT ngày 15/05/2014 về việc xác thực hợp nhất Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT và thông tư 57/2012/TT-BGĐT); Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo Quyết định số 435/2015/QĐ-DHB ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Hiệu trưởng trường Đại học Quốc tế Hồng Bàng.*

7. **Nội dung chương trình (tên và khối lượng các học phần)**

STT	MÃ HỌC PHẦN	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ	Học phần: học trước (a), tiên quyết (b), song hành (c)
7.1. Khối kiến thức giáo dục đại cương			**38**	
Khối kiến thức đại cương bắt buộc			**32**	
7.1.1. Lí luận Mác-Lê nin và tư tưởng Hồ Chí Minh			**11**	
1	**05068**	Triết học Mác-Lê nin	3 (3,0,6)	
2	**05069**	Kinh tế chính trị Mác-Lê nin	2 (2,0,4)	
3	**05070**	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2 (2,0,4)	
4	**00007**	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2 (2,0,4)	
5	**05071**	Lịch sử đảng cộng sản Việt Nam	2 (2,0,4)	
7.1.2. Khoa học xã hội			**5**	
1	**00042**	Pháp luật đại cương	2 (2,0,4)	
2	**04808**	Tư duy biện luận	3 (3,0,6)	
7.1.3. Ngoại ngữ			**14**	
1	**02764**	Intensive English-A1a	3 (3,0,6)	
2	**02765**	Intensive English-A1b	4 (4,0,8)	
3	**02766**	Intensive English-A2a	3 (3,0,6)	
4	**02767**	Intensive English-A2b	4 (4,0,8)	
7.1.4. Tin học			**2**	
1	**00008**	Tin học đại cương	2(1,1,3)	

Khối kiến thức đại cương tự chọn			**6**	
1	**04178**	Xã hội học đại cương	2(1,1,3)	
2	**04179**	Tâm lý học đại cương	2(1,1,3)	
3	**04180**	Lịch sử văn minh thế giới	2(1,1,3)	
4	**04181**	Ngôn ngữ học đối chiếu	2(1,1,3)	
5	**04182**	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2(1,1,3)	
6	**04183**	Khu vực học nhập môn	2(1,1,3)	
7	**04184**	Tiếng Việt thực hành	2(1,1,3)	
8	**04185**	Phương pháp học đại học	2(1,1,3)	
9	**04187**	Giao tiếp văn hóa	2(1,1,3)	
7.1.5. Giáo dục thể chất			**3**	
1	**00044**	Giáo dục thể chất 1 (*)	1 (0,1,1)	
2	**00045**	Giáo dục thể chất 2 (*)	1 (0,1,1)	
3	**03066**	Giáo dục thể chất 3 (*)	1 (0,1,1)	
7.1.6. Giáo dục quốc phòng			**8**	
1	**02309**	LT- Giáo dục quốc phòng – An ninh (*)	5 (5,0,10)	
2	**02310**	TH- Giáo dục quốc phòng – An ninh (*)	3 (0,3,3)	
7.2. Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp			**64**	
7.2.1. Kiến thức cơ sở ngành			**51**	
1	**04233**	Nghe Nói tiếng Nhật sơ cấp 1	2 (1,1,3)	
2	**04234**	Ngữ pháp tiếng Nhật sơ cấp 1	3 (2,1,5)	
3	**04235**	Đọc Viết tiếng Nhật sơ cấp 1	3 (2,1,5)	
4	**04236**	Nghe Nói tiếng Nhật sơ cấp 2	2 (1,1,3)	
5	**04237**	Ngữ pháp tiếng Nhật sơ cấp 2	3 (2,1,5)	
6	**04238**	Đọc Viết tiếng Nhật sơ cấp 2	3 (2,1,5)	
7	**04239**	Nghe Nói tiếng Nhật sơ trung cấp	2 (1,1,3)	
8	**04240**	Ngữ pháp tiếng Nhật sơ trung cấp	3 (2,1,5)	
9	**04241**	Đọc Viết tiếng Nhật sơ trung cấp	3 (2,1,5)	
10	**04242**	Nghe Nói tiếng Nhật trung cấp 1	2 (1,1,3)	
11	**04243**	Ngữ pháp tiếng Nhật trung cấp 1	3 (2,1,5)	

12	**04244**	Đọc Viết tiếng Nhật trung cấp 1	3 (2,1,5)	
13	**04245**	Nghe Nói tiếng Nhật trung cấp 2	2 (1,1,3)	
14	**04246**	Ngữ pháp tiếng Nhật trung cấp 2	3 (2,1,5)	
15	**04247**	Đọc - Viết tiếng Nhật trung cấp 2	3 (2,1,5)	
16	**04248**	Nghe Nói tiếng Nhật trung cao cấp	2 (1,1,3)	
17	**04249**	Ngữ pháp tiếng Nhật trung cao cấp	3 (2,1,5)	
18	**04250**	Đọc Viết tiếng Nhật trung cao cấp	3 (2,1,5)	
19	**05417**	Ngữ pháp tiếng Nhật cao cấp	3 (2,1,5)	
7.2.2. Kiến thức chuyên ngành bắt buộc			**13**	
1	**04251**	Viết Văn ứng dụng (NB)	2 (1,1,3)	
2	**04252**	Địa lý Kinh tế Nhật Bản	2 (1,1,3)	
3	**04253**	Văn hóa Nhật Bản	3 (3,0,6)	
4	**04254**	Tiếng Nhật thương mại	3 (3,0,6)	
5	**05418**	Tiếng Nhật thương mại cao cấp	3 (3,0,6)	
7.3 Kiến thức bổ trợ			**38**	
7.3.1 Kiến thức bổ trợ bắt buộc			**10**	
1	**04255**	Văn học Nhật Bản	3 (3,0,6)	
2	**04256**	Lý thuyết dịch (NB)	2 (1,1,2)	
3	**04257**	Biên phiên dịch tiếng Nhật	2 (1,1,3)	
4	**05419**	Biên phiên dịch tiếng Nhật nâng cao	3 (3,0,6)	
7.3.2 Kiến thức bổ trợ tự chọn			**16**	
1	**04217**	Nghiệp vụ ngoại giao	2 (1,1,3)	
2	**04218**	Đàm phán quốc tế	2 (1,1,3)	
3	**04219**	Truyền thông quốc tế	2 (1,1,3)	
4	**04220**	Nghiệp vụ thư ký văn phòng đối ngoại	2 (1,1,3)	
5	**04221**	Nghiệp vụ xuất nhập khẩu	2 (1,1,3)	
6	**04222**	Nghiệp vụ du lịch	2 (1,1,3)	
7	**04260**	Tôn giáo và tư tưởng Nhật Bản	2 (1,1,3)	
8	**04261**	Hệ thống chính trị và pháp luật Nhật Bản	2 (1,1,3)	
9	**04262**	Phong tục tập quán và xã hội Nhật Bản	2 (1,1,3)	
10	**04263**	Chính sách đối ngoại Nhật Bản	2 (1,1,3)	

11	**04264**	Quan hệ Việt Nam - Nhật Bản	2 (1,1,3)	
12	**04265**	Nhật Bản hiện đại	2 (1,1,3)	
13	**04266**	Nghiệp vụ giảng dạy tiếng Nhật	2 (1,1,3)	
14	**04267**	Tin học ứng dụng (NB)	2 (1,1,3)	
15	**04268**	Tiếng Nhật điều dưỡng	2 (1,1,3)	
16	**04269**	Văn hóa doanh nghiệp Nhật Bản	2 (1,1,3)	
7.3.3 Thực tập và Khóa luận tốt nghiệp(*Có điều kiện – điểm trung bình từ 8.0 trở lên)*			**12**	
1	**04213**	**Thực tập tốt nghiệp**	6 (0,6,6)	
2	**04214**	**Khóa luận tốt nghiệp** (*có điều kiện – điểm trung bình từ 8.0 trở lên)*	6 (0,6,6)	
Môn học thay thế khóa luận tốt nghiệp				
1	**04258**	Lịch sử Xã hội Nhật Bản	3 (3,0,6)	
2	**04259**	Tiếng Nhật Tổng Hợp	3 (3,0,6)	
Tổng cộng toàn khóa			**140**	

8. Khung chương trình

8.1. Kế hoạch đào tạo

STT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Ghi chú
HỌC KỲ 1			**18**	
1	**02764**	Intensive English-A1a	3 (3,0,6)	
2	**02765**	Intensive English-A1b	4 (4,0,8)	
3	**04808**	Tư duy biện luận	3 (3,0,6)	
4	**04233**	Nghe nói tiếng Nhật sơ cấp 1	2 (1,1,3)	
5	**04234**	Ngữ pháp tiếng Nhật sơ cấp 1	3 (2,1,5)	
6	**04235**	Đọc viết tiếng Nhật sơ cấp 1	3 (2,1,5)	
HỌC KỲ 2			**17**	
1	**02765**	Intensive English-A1b	4 (4,0,8)	
2	**02766**	Intensive English-A2a	3 (3,0,6)	
3	**04236**	Nghe nói tiếng Nhật sơ cấp 2	2 (1,1,3)	
4	**04237**	Ngữ pháp tiếng Nhật sơ cấp 2	3 (2,1,5)	

STT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Ghi chú
5	**04238**	Đọc viết tiếng Nhật sơ cấp 2	3 (2,1,5)	
Môn học tự chọn (chọn 1 trong 2 môn)				
6	**04185**	Phương pháp học Đại học	2 (1,1,3)	
7	**04180**	Lịch sử văn minh thế giới	2 (1,1,3)	
HỌC KỲ HÈ 1				
Dành cho sinh viên đăng ký học phần GDTC-ANQP, học lại, học vượt, …				
HỌC KỲ 3			**17**	
1	**00008**	Tin học đại cương	2 (1,1,3)	
2	**04239**	Nghe nói tiếng Nhật sơ trung cấp	2 (1,1,3)	
3	**04240**	Ngữ pháp tiếng Nhật sơ trung cấp	3 (2,1,5)	
4	**04241**	Đọc viết tiếng Nhật sơ trung cấp	3 (2,1,5)	
5	**04253**	Văn hóa Nhật Bản	3 (3,0,6)	
Môn học tự chọn (chọn 2 trong 4 môn)				
6	**04178**	Xã hội học đại cương	2 (1,1,3)	
7	**04183**	Khu vực học nhập môn	2 (1,1,3)	
8	**04182**	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2 (1,1,3)	
9	**04187**	Giao tiếp văn hóa	2 (1,1,3)	
HỌC KỲ 4			**17**	
1	**00042**	Pháp luật đại cương	2 (2,0,4)	
2	**04242**	Nghe nói tiếng Nhật trung cấp 1	2 (1,1,3)	
3	**04243**	Ngữ pháp tiếng Nhật trung cấp 1	3 (2,1,5)	
4	**04244**	Đọc viết tiếng Nhật trung cấp 1	3 (2,1,5)	
5	**04255**	Văn học Nhật Bản	3 (3,0,6)	
Môn học tự chọn (chọn 2 trong 4 môn)				
6	**04220**	Nghiệp vụ thư ký Văn phòng đối ngoại	2 (1,1,3)	
7	**04267**	Tin học ứng dụng (NB)	2 (1,1,3)	
8	**04184**	Tiếng Việt thực hành	2 (1,1,3)	

STT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Ghi chú
9	**04181**	Ngôn ngữ học đối chiếu	2 (1,1,3)	
HỌC KỲ HÈ 2				
Dành cho sinh viên đăng ký học phần GDTC-ANQP, học lại, học vượt, …				
HỌC KỲ 5			**19**	
1	**05068**	Triết học Mác-Lê nin	3 (3,0,6)	
2	**04245**	Nghe nói tiếng Nhật trung cấp 2	2 (1,1,3)	
3	**04246**	Ngữ pháp tiếng Nhật trung cấp 2	3 (2,1,5)	
4	**04247**	Đọc viết tiếng Nhật trung cấp 2	3 (2,1,5)	
5	**04252**	Địa lý- Kinh tế Nhật Bản	2 (1,1,3)	
6	**04251**	Viết Văn ứng dụng (NB)	2 (1,1,3)	
Môn học tự chọn (chọn 2 trong 4 môn)			**4**	
7	**04264**	Quan hệ Việt Nam – Nhật Bản	2 (1,1,3)	
8	**04260**	Tôn giáo và Tư tưởng Nhật Bản	2 (1,1,3)	
9	**04179**	Tâm lý học đại cương	2 (1,1,3)	
10	**04221**	Nghiệp vụ Xuất nhập khẩu	2 (1,1,3)	
HỌC KỲ 6			**19**	
1	**05070**	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2 (2,0,4)	
2	**05069**	Kinh tế chính trị Mác – Lê nin	2 (2,0,4)	
3	**04248**	Nghe nói tiếng Nhật trung cao cấp	2 (1,1,3)	
4	**04249**	Ngữ pháp tiếng Nhật trung cao cấp	3 (2,1,4)	
5	**04250**	Đọc viết tiếng Nhật trung cao cấp	3 (2,1,5)	
6	**04254**	Tiếng Nhật thương mại	3 (3,0,6)	
7	**04256**	Lý thuyết dịch (NB)	2 (1,1,3)	
Môn học tự chọn (chọn 1 trong 2 môn)			**2**	
7	**04222**	Nghiệp vụ du lịch	2 (1,1,3)	
8	**04218**	Đàm phán Quốc tế	2 (1,1,3)	
HỌC KỲ HÈ 3				
Dành cho sinh viên đăng ký học phần GDTC-ANQP, học lại, học vượt, …				

STT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Ghi chú
HỌC KỲ 7			**17**	
1	**05071**	Lịch sử đảng cộng sản Việt Nam	2 (2,0,4)	
2	**00007**	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2 (2,0,4)	
3	**04257**	Biên phiên dịch tiếng Nhật	2 (1,1,3)	
4	**05417**	Ngữ pháp cao cấp	3 (2,1,5)	
Môn học tự chọn (chọn 4 trong 8 môn)				
5	**04263**	Chính sách đối ngoại Nhật Bản	2 (1,1,3)	
6	**04269**	Văn hóa doanh nghiệp Nhật Bản	2 (1,1,3)	
7	**04262**	Phong tục tập quán và xã hội Nhật Bản	2 (1,1,3)	
8	**04266**	Nghiệp vụ giảng dạy tiếng Nhật	2 (1,1,3)	
9	**04268**	Tiếng Nhật Điều dưỡng	2 (1,1,3)	
10	**04265**	Nhật Bản hiện đại	2 (1,1,3)	
11	**04219**	Truyền thông Quốc tế	2 (1,1,3)	
12	**04261**	Hệ thống chính trị và pháp luật Nhật Bản	2 (1,1,3)	
HỌC KỲ 8			**18**	
1	**05418**	Biên phiên dịch tiếng Nhật nâng cao	3 (3,0,6)	
2	**05419**	Tiếng Nhật thương mại cao cấp	3 (3,0,6)	
3	**04213**	Thực tập tốt nghiệp	6 (0,6,6)	
4	**04214**	Khóa luận tốt nghiệp (*có điều kiện – điểm trung bình đạt từ 8.0 trở lên*)	6 (0,6,6)	
Môn học thay thế khóa luận				
1	**04258**	Lịch sử Xã hội Nhật Bản	3 (3,0,6)	
2	**04259**	Tiếng Nhật Tổng Hợp	3 (3,0,6)	
TỔNG CỘNG TOÀN KHÓA			**140**	

Ghi chú:

- Các học phần GDTC-ANQP sinh viên tự đăng ký học trong 3 năm đầu của khóa học.

- Các học kỳ hè: các Khoa chủ động cho sinh viên đăng ký trả nợ hoặc học vượt…

8.2. Hướng dẫn thực hiện chương trình

❖ **Chương trình giáo dục đại học này được thiết kế dựa trên văn bản sau:**

- *Theo Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ (Ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT, ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo; văn bản số 17/VBHN-BGDĐT ngày 15/05/2014*

về việc xác thực hợp nhất Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT và thông tư số 57/2012/TT-BGĐT;

- *Thông tư số 08/2011/TT-BGDĐT Ngày 17 tháng 2 năm 2011 Bộ Trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định điều kiện, hồ sơ, quy trình mở ngành đào tạo, đình chỉ, tuyển sinh, thu hồi quyết định mở ngành đào tạo trình độ đại học, trình độ cao đẳng;*
- *Quyết định của Thủ tướng chính phủ số 518./QĐ-TTg ngày 11 tháng 7 năm 1997 thành lập trường Đại học Quốc tế Hồng Bàng;*
- *Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo Quyết định số 435/2015/QĐ-DHB ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Hiệu trưởng trường Đại học Quốc tế Hồng Bàng.*

❖ **Yêu cầu đối với sinh viên ngành Nhật Bản học và giảng viên**

- Chủ tịch Hội đồng Khoa học Khoa Khoa học Xã hội và Ngôn ngữ Quốc tế; Ngành Nhật Bản học - Trường Đại học Quốc tế Hồng Bàng có trách nhiệm theo dõi việc thực hiện đầy đủ các danh mục các học phần theo đúng quy định của khung chương trình đào tạo.
- Đề cương chi tiết học phần kèm theo chương trình này là cơ sở để theo dõi, kiểm tra việc thực hiện nề nếp; thực hiện nội dung giảng dạy và nội dung của các đề thi kết thúc học phần.
- Giảng viên giảng dạy mỗi học phần có trách nhiệm thực hiện đầy đủ và có chất lượng cao các nội dung dạy và học trong đề cương chi tiết môn học; đảm bảo chính xác phân phối tỷ lệ giờ: Lý thuyết, thảo luận, bài tập thực hành, tự học.
- Lớp học mở theo đăng ký của sinh viên. Mỗi lớp học có ít nhất 20 sinh viên đăng ký trở lên.
- Thời gian cho sinh viên tích lũy đủ số tín chỉ theo quy chế đào tạo. Khi tích lũy đủ số tín chỉ qui định trong khung chương trình đào tạo thì sinh viên mới được xét cấp bằng tốt nghiệp.

9. Mô tả vắn tắt môn học

❖ **Ngữ pháp tiếng Nhật Sơ cấp 1**

Nội dung học phần bao gồm: làm quen với phương pháp học và tự học tiếng Nhật sơ cấp. Nắm vững chữ viết và cấu trúc ngữ pháp trong tiếng Nhật. Làm bài tập thực hành, rèn luyện kỹ năng cho các kỹ năng Đọc, Nghe và Hội thoại.

❖ **Đọc Viết tiếng Nhật Sơ cấp 1**

Giới thiệu những bài đọc có nội dung đơn giản, thực hành những mẫu ngữ pháp song hành kỷ năng viết văn. Qua đó giới thiệu sơ bộ về văn hóa Nhật Bản, nếp sống, sinh hoạt của người Nhật. Làm quen với Hán tự là một trong những thành phần chữ viết Nhật Bản

❖ **Nghe Nói Tiếng Nhật Sơ cấp 1**

Là môn học rèn luyện kỷ năng nghe hiểu,củng cố kiến thức từ vựng của môn Đọc – Viết và cấu trúc ngữ pháp của môn Ngữ pháp. Luyện phát âm bảng chữ Hiragana và Katakana.

Nội dung của học phần là luyện tập phát âm, ngữ điệu trong tiếng Nhật. Cách chào hỏi, các mẫu câu đàm thoại hàng ngày.

❖ **Ngữ pháp tiếng Nhật Sơ cấp 2**

Nội dung học phần bao gồm: luyện tập phương pháp học và tự học tiếng Nhật sơ cấp. Viết và nắm vững các cấu trúc ngữ pháp đã học trong phần Ngữ pháp tiếng Nhật Sơ cấp 1. Làm bài tập thực hành, chuẩn bị kiến thức cho các học phần Đọc, Nghe và Hội thoại.

❖ **Đọc Viết Tiếng Nhật Sơ cấp 2**

Tiếp tục giới thiệu những bài đọc có nội dung đơn giản, thực hành những mẫu ngữ pháp học song hành của môn Ngữ pháp tiếng Nhật Sơ cấp 2. Qua đó giới thiệu về văn hóa, xã hội Nhật Bản. Tự tra cứu Hán tự và từ vựng theo yêu cầu của bài học.

❖ **Nghe Nói Tiếng Nhật Sơ cấp 2**

Là môn học rèn luyện kỷ năng nghe hiểu,củng cố kiến thức từ vựng của môn Đọc Viết tiếng Nhật Sơ cấp1 và cấu trúc ngữ pháp của môn Ngữ pháp tiếng Nhật Sơ cấp 2. Luyện tập phát âm, ngữ điệu trong tiếng Nhật, sử dụng các mẫu câu đàm thoại hàng ngày. Ứng dụng từ vựng và mẫu câu trong học phần Ngữ pháp Tiếng Nhật Sơ cấp 2 và ĐọcViết Tiếng Nhật Sơ cấp 2 để nói theo chủ đề.

❖ **Ngữ pháp tiếng Nhật Sơ trung cấp**

Nội dung học phần bao gồm: hoàn thành chương trình tiếng Nhật sơ cấp. Viết và nắm vững các cấu trúc ngữ pháp đã học trong các học phần trước. Ôn tập kiến thức các học phần tiếng Nhật Sơ cấp 1 và 2, chuẩn bị sang học phần Trung cấp và nâng cao, để làm quen với môn chuyên ngành Văn hóa Nhật Bản và Địa lý Nhật Bản

❖ **Đọc Viết tiếng Nhật Sơ Trung cấp**

Tiếp tục giới thiệu những bài đọc có nội dung đơn giản, thực hành những mẫu ngữ pháp học song hành của môn Ngữ pháp tiếng Nhật Sơ trung cấp. Tra cứu Hán tự và từ vựng theo yêu cầu của bài học, mở rộng kiến thức từ vựng và thực hành viết văn.

❖ **Nghe Nói Tiếng Nhật Sơ Trung cấp**

Rèn luyện kỹ năng nghe hiểu, củng cố kiến thức từ vựng của môn Đọc Viết tiếng Nhật Sơ cấp 1 và 2, các cấu trúc ngữ pháp của phần Ngữ pháp tiếng Nhật Sơ cấp 1 và 2. Luyện phát âm từ vựng và các mẫu đàm thoại.

Luyện tập phát âm, ngữ điệu trong tiếng Nhật thông qua các bài hội thoại, sử dụng các mẫu câu theo ý muốn biểu đạt. Ứng dụng từ vựng và mẫu câu trong học phần Tiếng Nhật Sơ cấp 1 và 2 để nói theo chủ đề.

❖ **Ngữ pháp Tiếng Nhật Trung cấp 1**

Là học phần tiếng Nhật Trung cấp. Các cấu trúc ngữ pháp nâng cao dựa trên nền tảng của học phần tiếng Nhật sơ cấp. Giúp cho người học nâng cao khả năng biểu đạt và hiểu những vấn đề mang tính xã hội phức tạp.

❖ **Đọc Viết Tiếng Nhật Trung cấp 1**

Giới thiệu những bài đọc có nội dung về Xã hội, văn hóa Nhật Bản, thực hành những mẫu ngữ pháp học song hành của môn Ngữ pháp tiếng Nhật Trung cấp 1. Tự tra cứu Hán tự và từ vựng theo yêu cầu nâng cao của bài học và tự trang bị kiến thức về văn hóa, xã hội, lịch sử Việt Nam cũng như Nhật Bản.

❖ **Nghe Nói Tiếng Nhật Trung cấp 1**

Rèn luyện kỷ năng nghe hiểu, tăng cường kiến thức từ vựng, kết hợp các cấu trúc ngữ pháp của học phần tiếng Nhật Trung cấp. Thực hành các bài đàm thoại theo chủ đề dựa theo từ vựng và nội dung bài đọc của học phần Đọc Viết tiếng Nhật Trung cấp 1.

Luyện tập phát âm, ngữ điệu trong tiếng Nhật thông qua các bài hội thoại, sử dụng các mẫu câu biểu đạt theo ý muốn. Ứng dụng từ vựng và mẫu câu trong học phần Ngữ pháp, Đọc viết Tiếng Nhật Trung cấp 1 để phát biểu theo chủ đề.

❖ **Tiếng Nhật Ngữ pháp Trung cấp 2**

Là học phần tiếng Nhật Trung cấp, tiếp tục các cấu trúc ngữ pháp nâng cao. Giúp cho người học nâng cao khả năng biểu đạt và hiểu những vấn đề mang tính văn hóa, xã hội phức tạp.

❖ **Đọc Viết Tiếng Nhật Trung cấp 2**

Giới thiệu những bài đọc có nội dung về Xã hội, văn hóa Nhật Bản, thực hành những mẫu ngữ pháp học song hành của môn Ngữ pháp tiếng Nhật Trung cấp 2. Tự tra cứu Hán tự và từ vựng theo yêu cầu nâng cao của bài học và tự trang bị kiến thức về văn hóa, xã hội, lịch sử Việt Nam cũng như Nhật Bản.

❖ **Nghe Nói Tiếng Nhật Trung cấp 2**

Rèn luyện kỷ năng nghe hiểu, tăng cường kiến thức từ vựng, kết hợp các cấu trúc ngữ pháp của học phần tiếng Nhật Trung cấp. Thực hành các bài đàm thoại theo chủ đề dựa theo từ vựng và nội dung bài đọc của học phần Ngữ pháp, Đọc viết Tiếng Nhật Trung cấp 2. Làm quen với các bài đàm thoại giao tiếp thương mại sơ cấp.

Luyện tập phát âm, ngữ điệu trong tiếng Nhật thông qua các bài hội thoại, sử dụng các mẫu câu biểu đạt theo ý muốn. Ứng dụng từ vựng và mẫu câu trong học phần Tiếng Nhật Trung cấp 2 để phát biểu theo chủ đề. Làm quen với các bài đàm thoại giao tiếp thương mại sơ cấp.

❖ **Ngữ pháp Tiếng Nhật Trung cao cấp**

Là học phần chuyển tiếp sang tiếng Nhật Cao cấp, giới thiệu các cấu trúc ngữ pháp trên trung cấp, tạo cho người học nâng cao khả năng biểu đạt và hiểu những vấn đề mang tính văn hóa, xã hội phức tạp.

❖ **Đọc Viết Tiếng Nhật Trung cao cấp**

Giới thiệu những bài đọc có nội dung về Xã hội, văn hóa Nhật Bản, thực hành những mẫu ngữ pháp học song hành của môn Ngữ pháp Trung cao cấp. Tự tra cứu theo yêu cầu nâng cao của bài học và tự trang bị kiến thức các chuyên ngành mà người học muốn nghiên cứu.

❖ **Nghe Nói Tiếng Nhật Trung cao cấp**

Rèn luyện kỷ năng nghe hiểu, tăng cường kiến thức từ vựng, kết hợp các cấu trúc ngữ pháp của học phần tiếng Nhật Trung cao cấp. Thực hành các bài đàm thoại theo chủ đề dựa theo từ vựng và nội dung bài đọc của học phần phần Ngữ pháp, Đọc viết Tiếng Nhật Trung cao cấp. Nghe hiểu các bài đàm thoại giao tiếp thương mại trình độ Trung cấp.

Ứng dụng từ vựng và mẫu câu trong học phần Tiếng Nhật Trung cao cấp để phát biểu theo chủ đề người học tự nghiên cứu. Thực hành các bài đàm thoại giao tiếp thương mại trình độ Trung cấp.

❖ **Phương pháp học đại học**

Giúp sinh viên làm quen với môi trường đại học với những phương pháp học mang tính độc lập, thiết lập được kế hoạch phát triển bản thân, định hướng tham gia các hoạt động phục vụ cộng đồng qua các câu lạc bộ.

❖ **Lịch sử văn minh thế giới**

Môn học giúp sinh viên hiểu rõ những giai đoạn lớn trong lịch sử phát triển của loài người. Lý giải được tại sao xã hội loài người phát triển không ngừng.Qua đó hình thành ý thức trân trọng và bảo vệ những gì mà sinh viên đang được thụ hưởng từ mọi nền văn hóa khác nhau.

❖ **Khu vực học nhập môn**

Cung cấp những lý thuyết cơ bản về khu vực học, sự hình thành và phát triển khu vực học, vai trò của việc nghiên cứu khu vực học trong sự phát triển của khoa học hiện nay, đối tượng và phạm vi nghiên cứu của khu vực học.

❖ **Xã hội học đại cương**

Cung cấp những kiến thức cơ bản về xã hội, đối tượng nghiên cứu xã hội học, những khái niệm cơ bản và một số trường phái xã hội học. Đồng thời trang bị cho SV kỹ năng sử dụng các phương pháp định tính, định lượng trong nghiên cứu xã hội học

❖ **Cơ sở văn hóa Việt Nam**

Những vấn đề cơ bản, cần thiết hình thành nền văn hóa của dân tộc Việt Nam (cơ sở ngôn ngữ, phong tục, tập quán, tư tưởng của người Việt Nam, các thành tố hình thành văn hóa (văn hóa nhận thức, văn hóa tổ chức đời sống tập thể, cá nhân; văn hóa ứng xử với môi trường tự nhiên, xã hội…).

❖ **Ngôn ngữ học đối chiếu**

Trình bày một cách đầy đủ, có hệ thống các kiến thức về ngôn ngữ học đối chiếu, về các thủ pháp đối chiếu, các nguyên tắc đối chiếu v.v… nhằm giúp sinh viên biết cách vận dụng chính xác các hiểu biết trên để phát triển kỹ năng học và sử dụng ngoại ngữ một cách chuẩn xác và nhuần nhuyễn.

❖ **Tiếng Việt thực hành**

Cung cấp cho SV những kiến thức cơn bản về chính tả, cách viết hoa tiếng Việt, tiếng nước ngoài, dùng từ, cách sửa lỗi về dùng từ, đặt câu, cách sửa lỗi về đặt câu, tiếp nhận và tạo lập văn bản. Qua đó giúp SV có kỹ năng diễn đạt rõ ràng, chính xác một văn bản.

❖ **Tâm lý học đại cương**

Cung cấp những kiến thức liên quan đến tâm lý con người như bản chất tư duy, suy nghĩ và phát triển của các hiện tượng tâm lý.

❖ **Tư duy phân tích**

Môn học này sẽ thảo luận về những khái niệm, những quy tắc nên tảng, những nguyên lý, những quy luật và cách thức vận hành của tư duy nói chung. Trên cơ sở đó, sau khi hoàn thành môn học, sinh viên có thể ứng dụng các nguyên lý này vào việc suy nghĩ, quyết định, giải quyết vấn đề một cách chính xác, chủ động, sáng tạo và hiệu quả. Song song đó sinh viên sẽ phát triển những kỹ năng tư duy phản biện thông qua thảo luận và thực hành những phương pháp, những công cụ tư duy hữu ích cho sự phát triển năng lực trí tuệ của cá nhân và cộng đồng.

❖ **Giao tiếp văn hóa**

Sau khi hoàn thành môn học, sinh viên có thể khám phá ra những khác biệt văn hóa, những giá trị văn hóa đối lập và những khác biệt trong giao tiếp phi ngôn ngữ được sử dụng trên thế giới; đồng thời, có khả năng tổng hợp thông tin và áp dụng những lý thuyết này để phân tích những nền văn hóa quen thuộc (Việt Nam) và xa lạ hơn. (Hàn Quốc và những quốc gia có thể tiếp xúc sau này)

❖ **Truyền thông quốc tế**

Cung cấp cho sinh viên các kỹ năng sử dụng hiệu quả các công cụ PR truyền thống và hiện tại, phân tích ưu, nhược điểm và đánh giá việc sử dụng công cụ PR trong tình huống cụ thể. Giúp sinh viên nắm rõ mối liên hệ với PR, quảng cáo trong việc xây dựng hình ảnh, củng cố mối quan hệ giữa các cơ quan tổ chức với giới truyền thông và công chúng. Biết cách xây dựng chiến lược truyền thông PR ngắn hạn, trung hạn, dài hạn. Thực hành công tác PR nội bộ trong các doanh nghiệp hiện nay như: biên tập bản tin nội bộ, xây dựng website, biên tập nội dung cho website, viết bài advertorial và editorial. Biết cách quản trị truyền thông, dự báo, phòng ngừa và xử lí khủng hoảng.

❖ **Nghiệp vụ thư ký văn phòng đối ngoại**

Môn học cung cấp cho sinh viên các kỹ năng về soạn thảo văn bản hành chính, lưu trữ văn bản, công văn…quy trình chuẩn bị và sắp xếp xếp ngày làm việc có hiệu quả, tổ

chức dự toán chi phí hội nghị, hội thảo. Nắm vững vai trò, chức năng nhiệm vụ của thư ký, xây dựng hoàn chỉnh cơ cấu tổ chức văn phòng làm việc.

❖ **Đàm phán quốc tế**

Môn học cung cấp cho sinh viên các kỹ năng: Khoa học về đàm phán (lý thuyết chung về xung đột và đàm phán; vai trò của đàm phán trong giải quyết xung đột quốc tế; các hình thức đàm phán ngoại giao; ảnh hưởng của yếu tố văn hóa), nghệ thuật đàm phán (nghệ thuật giao tiếp; các chiến lược và thử thuật; thu thập thông tin, chuẩn bị phương án, giải pháp) và đàm phán thực hành (xây dựng đề án, tham gia các bài tập mô phỏng).

❖ **Nghiệp vụ xuất nhập khẩu**

Môn học giúp sinh viên thường xuyên được tiếp cận với các Hợp đồng XNK, Bộ chứng từ XNK, các tình huống, giao dịch trong XNK thực tế và thường xuyên được chia nhóm, thực hiện đóng vai (Cán bộ Công ty xuất nhập khẩu, đối tác kinh doanh, Cán bộ Ngân hàng…) để thực hành thảo luận, phân tích, thực hành nghiệp vụ cũng như đánh giá rủi ro các giao dịch XNK.

❖ **Nghiệp vụ ngoại giao**

Cung cấp những kiến thức về ngoại giao, tính chất, yêu cầu, các hình thức ngoại giao, một số thuật ngữ ngoại giao, phép xã giao quốc tế.

❖ **Nghiệp vụ du lịch**

Cung cấp những kiến thức cơ bản về hoạt động hướng dẫn du lịch, các nghiệp vụ hướng dẫn phục vụ khách du lịch trong quá trình thực hiện các chương trình du lịch.

❖ **Viết Văn Ứng Dụng**

Ứng dụng các cấu trúc ngữ pháp từ môn Viết, kiến thức từ vựng của môn Đọc để hành văn theo các chủ đề có liên quan đến đất nước và con người Nhật Bản. Là môn tiền đề cho việc viết báo cáo thực tập và luận văn tốt nghiệp sau này.

❖ **Văn hóa Nhật Bản**

Giới thiệu một số nét cơ bản về các phong tục, tập quán trong cuộc sống sinh hoạt hàng ngày của người Nhật. Các lễ hội chính theo mùa trong năm ở Nhật. Giúp người học hiểu và chọn cách ứng xử trong giao tiếp với người Nhật.

Đi sâu tìm hiểu một vài phong tục tập quán đặc trưng của người Nhật, như nhà ở, thờ tự, cưới hỏi, ma chay, … các hoạt động mang tính văn hóa tư tưởng của người Nhật như Trà đạo, Kiếm đạo…ý nghĩa của các lễ hội… Tìm hiểu sự hình thành nếp sống, tư tưởng, phong cách của người Nhật.

❖ **Tiếng Nhật Thương mại**

Cung cấp từ vựng chuyên ngành thương mại, phục vụ trong giao tiếp khi công tác trong các lĩnh vực thương mại, qua giao tiếp hoặc qua thư từ, văn bản. Hướng dẫn thực hành thư thương mại.

❖ **Tiếng Nhật Thương mại cao cấp**

Hướng dẫn giao tiếp, trình bài, thuyết trình các nội dung chuyên ngành thương mại phức tạp.

❖ **Địa Lý Kinh tế Nhật Bản**

Thông qua vị trí địa lý, các đặc điểm về khí hậu giới thiệu về các vùng kinh tế Nhật Bản, cũng như sự hình thành những nét văn hóa đặc trưng theo từng vùng trên đất nước Nhật bản

❖ **Lịch Sử Xã hội Nhật Bản**

Giới thiệu sự hình thành và các giai đoạn phát triển kinh tế, chính trị, xã hội Nhật Bản. Những ảnh hưởng về mặt tư tưởng của thế giới bên ngoài và sự tiếp thu những ảnh hưởng đó của người Nhật. Tìm hiểu cuộc bức phá của người Nhật thoát khỏi tư tưởng Trung Hoa…..

❖ **Văn học Nhật Bản**

Chủ yếu nghiên cứu phân tích một số tác phẩm văn học tiêu biểu trong giai đoạn cận hiện đại. Qua đó, để có thể hiểu được một số hình thái phát triển kinh tế xã hội Nhật Bản, tư tưởng của người Nhật trải qua chiến tranh, khôi phục và phát triển đất nước như hiện nay.

❖ **Lý Thuyết Dịch Tiếng Nhật**

Giới thiệu các nguyên tắc cần lưu ý trong công tác dịch thuật (biên dịch và phiên dịch). Thực hành một số tình huống phiên dịch giao tiếp đơn giản. Dịch một số dạng văn bản cơ bản.

❖ **Biên phiên dịch tiếng Nhật**

Thực hành biên dịch các tài liệu có tính chuyên môn trong các lĩnh vực văn hóa, xã hội, thư thương mại, báo chí, sách truyện manga….

Thực hành phiên dịch theo chuyên đề: cuộc họp nội bộ công ty, trao đổi giao dịch với khách hàng, dịch hướng dẫn du lịch …

❖ **Biên phiên dịch tiếng Nhật nâng cao**

Thực hành biên dịch các tài liệu có tính chuyên môn cao trong các lĩnh vực văn hóa, xã hội, thư thương mại, báo chí, văn học

Thực hành phiên dịch các nội dung có tính chuyên môn cao theo các lĩnh vực: thương mại, sức khỏe, nông lâm nghiệp…

❖ **Chính sách đối ngoại Nhật Bản**

Cung cấp các kiến thức về chính sách đối ngoại Nhật Bản qua các thời kỳ; tìm hiểu các chủ chương về chính sách đối ngoại Nhật Bản.

❖ **Phong tục tập quán và Xã hội Nhật Bản**

Tìm hiểu phong tục Nhật Bản qua các tài liệu mô tả chi tiết về các nghi lễ truyền thống trong năm, các nghi lễ đời người trong nền văn hóa lúa nước.

❖ **Văn hóa doanh nghiệp Nhật Bản**

Giới thiệu cho sinh viên về mô hình tổ chức kinh doanh của các cty, xí nghiệp vừa và nhỏ của Nhật Bản. Vai trò và tầm quan trọng của các xí nghiệp vừa và nhỏ trong nền kinh tế Nhật Bản. Qua đó, giúp sinh viên hình dung tập quán làm việc, nếp suy nghĩ và tinh thần sáng tạo trong công việc của người Nhật.

❖ **Phương pháp giảng dạy tiếng Nhật**

Hướng dẫn các kỹ năng để trở thành giáo viên dạy tiếng Nhật. Bao gồm, cách tham khảo tài liệu, chọn lọc để soạn chương trình giảng dạy và làm giáo án giảng dạy.

Luyện kỹ năng phát biểu, thái độ cử một giáo viên đứng lớp để tự tin trên bục giảng.

❖ **Quan hệ Việt Nam – Nhật Bản**:

Trình bày cơ sở khoa học về quan hệ kinh tế Việt – Nhật; đặc điểm của nền kinh tế xã hội Việt Nam – Nhật Bản, các chính sách đầu tư kinh tế, giao lưu văn hóa.

❖ **Tin học ứng dụng (NB)**:

Trang bị kỷ năng mềm, xử lý thông tin. Thao tác nghiệp vụ văn phòng qua thư từ, văn bản tiếng Nhật. Hướng dẫn thực hành thư thương mại.

❖ **Tiếng Nhật tổng hợp**:

Tổng hợp các bài đọc có áp dụng các mẫu ngữ pháp trung và cao cấp, mang tính chuyên đề về các lĩnh vực kinh tế, xã hội, khoa học kỹ thuật....

❖ **Tiếng Nhật Điều dưỡng**:

Cung cấp từ vựng chuyên ngành điều dưỡng, phục vụ trong giao tiếp, thao tác khi công tác trong lĩnh vực chăm sóc sức khỏe.

❖ **Thực tập tốt nghiệp**

Sinh viên thực tập tại các doanh nghiệp có các yếu tố liên quan đến Nhật Bản để giúp sinh viên làm quen với thực tế công việc, trao dồi thêm kiến thức và kỹ năng giữa học tập và thực tế yêu cầu của các công ty bên ngoài nhà trường.

❖ **Khóa luận tốt nghiệp**

Sinh viên tìm hiểu có chọn lọc các chủ đề quan tâm, phù hợp với chuyên ngành được đào tạo, sinh viên sẽ được phân giảng viên hướng dẫn thực hiện đề tài và sinh viên sẽ bảo vệ luận văn trước hội đồng chấm luận văn theo thời gian quy định.